

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2020/HS-ST
Ngày 22-4-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hồng

Bà Lương Bích Diệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Ngọc Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2020/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020 ngày 10 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Chu Văn K, tên gọi khác: Không, sinh năm 1986 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; trình độ học vấn: 9/12; tôn giáo: Không; con ông Chu Văn T (đã chết) và bà Hoàng Thị V; vợ Chu Thị L, sinh năm 1989; con: Có 02 con; con lớn sinh năm 2012 con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị xử phạt vi phạm hành chính, không bị xử lý kỷ luật, bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12-9-2019 đến ngày 17-01-2020 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh, bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Hứa Văn O, tên gọi khác: Không, sinh năm 1981 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú: Thôn M, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Thôn C, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Nghề nghiệp: Lái xe; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; trình độ học vấn: 6/12; tôn giáo: Không; con ông Hứa Văn K và bà Hà Thị S; vợ Triệu Thị K, sinh năm 1983; con: Có 02 con; con lớn sinh năm 2005 con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị xử phạt vi phạm hành chính, không

bị xử lý kỷ luật, bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11-9-2019 đến ngày 17-01-2020, được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh, bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Hứa Văn M, sinh năm 1982, trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2. Chị Chu Thị L, sinh năm 1989, trú tại: Thôn B, xã G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

-Người làm chứng

1. Chị Trần Thị H, sinh năm 1988, vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Chí T, sinh năm 1981, vắng mặt.

3. Anh Trịnh Duy M, sinh năm 1982, vắng mặt

4. Bà bà Phùng Thị M, sinh năm 1951, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Năm 2014 Chu Văn K chạy xe khách loại xe 7 chỗ tuyến đường thành phố L - huyện L - Cửa khẩu C và ngược lại, trong thời gian chạy xe tuyến đường này Chu Văn K có quen biết một người phụ nữ tên là Nguyễn Thị Bích T, (Chu Văn K chỉ biết Nguyễn Thị Bích T quê ở tỉnh Vĩnh Phúc, nhưng không biết địa chỉ cụ thể, Nguyễn Thị Bích T trọ tại khu vực Chợ A, Trung Quốc). Năm 2017 Nguyễn Thị Bích T giới thiệu Chu Văn K làm quen với một người đàn ông tên là Phạm H (Chu Văn K biết Phạm H quê ở thành phố H, tỉnh Hải Phòng nhưng không biết địa chỉ cụ thể) đang sinh sống tại Trung Quốc. Khoảng đầu năm 2019 Nguyễn Thị Bích T và Chu Văn K bàn bạc thống nhất tổ chức đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, cụ thể Chu Văn K có nhiệm vụ đón người từ ngã tư M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đưa đến khu vực Cửa khẩu C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn giao cho một người đàn ông có tên là H (sinh sống tại khu vực Chợ A, Trung Quốc), H đưa dẫn người qua đường mòn xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, tiền công Chu Văn K trực tiếp thu. Nguyễn Thị Bích T và Chu Văn K thống nhất thu tiền của khách bằng tiền Trung Quốc, Nguyễn Thị Bích T và Chu Văn K đã cùng góp mỗi người 50.000.000 đồng tiền Việt Nam để mua tiền Trung Quốc với tỷ giá 3.100đ/01 NDT đến 3.220đ/01 NDT, khi có khách đi Trung Quốc có nhu cầu đổi tiền từ tiền Việt Nam sang tiền Trung Quốc Chu Văn K đổi 3.400đ/01 NDT tính chênh lệch để kiếm lời.

Tháng 8 năm 2019 Trịnh Duy M được một người bạn tên T (không biết họ, năm sinh, địa chỉ, trú tại Quận L, thành phố H) giới thiệu cho Trịnh Duy M kết bạn với tài khoản Wechat của người tên T1 là bạn của T, Trịnh Duy M cho T1 biết đang có nhu cầu sang Trung Quốc làm thuê, T1 đã cho Trịnh Duy M số điện thoại 0337420127 của Chu Văn K. Ngày 09-9-2019 Trịnh Duy M gọi cho Chu Văn K đặt vấn đề thuê, Chu Văn K đưa dẫn Trịnh Duy M sang Hoa T, Quảng Châu, Trung Quốc làm thuê, Chu Văn K đồng ý, Chu Văn K nhắn tin cho Nguyễn Thị Bích T hỏi giá tiền đưa dẫn người sang Hoa T, Quảng Châu,

Trung Quốc là bao nhiêu, Nguyễn Thị Bích T trả lời là 650 NDT/01 người. Sau khi Nguyễn Thị Bích T cho biết giá Chu Văn K trả lời Trịnh Duy M khi nào muốn đi sang Trung Quốc thì đến ngã tư M Thành phố L, tỉnh Lạng Sơn thì gọi điện cho Chu Văn K để bố trí người đón và đưa sang Trung Quốc, tiền đưa dẫn sang là 650 NDT/01 người Trịnh Duy M đồng ý.

Đầu tháng 9-2019 Trần Thị H thông qua một tài khoản Facebook có tên “Hùng N” liên hệ với nhà xe Phạm H chuyên đưa công dân Việt Nam sang Trung Quốc làm thuê, Trần Thị H liên hệ với nhà xe thì được một người đàn ông giới thiệu tên H1, H1 bảo Trần Thị H muốn đi Trung Quốc làm thuê tiền đi đến biên giới và đi đến công ty là 850 NDT/01 người, H1 bảo Trần Thị H liên lạc với Chu Văn K theo số điện thoại 0337420127 để đón, Trần Thị H gọi và giới thiệu là người của Phạm H muốn sang Trung Quốc làm thuê, Chu Văn K bảo Trần Thị H đi xe đến ngã tư M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn thì sẽ bố trí cho người đón và đưa sang Trung Quốc theo đường mòn, không cần giấy tờ xuất nhập cảnh, Trần Thị H đồng ý và nói với Chu Văn K cùng chồng là Nguyễn Chí T cùng đi. Sáng ngày 11/9/2019 Trần Thị H cùng chồng Nguyễn Chí T và Trịnh Duy M cùng đi xe đến ngã tư M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và gọi điện cho Chu Văn K, Chu Văn K gọi điện cho Hứa Văn O lái xe ra ngã tư M, thành phố L đón khách đi Trung Quốc và gửi các số điện thoại 0327091078, 0587909316 của Trần Thị H và Trịnh Duy M cho Hứa Văn O để liên lạc đón, Chu Văn K bảo Hứa Văn O đưa Trần Thị H và Trịnh Duy M đến nhà Chu Văn K để thu tiền, do ba người này không có tiền Trung Quốc nên Chu Văn K đã đổi tiền 01 NDT = 3.400 VND, Trần Thị H và Nguyễn Chí T đổi 12.000.000 VND được khoảng 3.500 NDT và thu tiền phí của Trần Thị H và Nguyễn Chí T là: 1.700 NDT (850 NDT/người), Trịnh Duy M đổi 4.700.000 VND được 1.382 NDT và thu của Trịnh Duy M là 650 NDT. Thu tiền xong Chu Văn K bảo Hứa Văn O đưa Trần Thị H, Nguyễn Chí T và Trịnh Duy M đến khu vực Cửa khẩu C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đi theo đường mòn thôn N, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn lên hàng rào biên giới giao Trần Thị H, Nguyễn Chí T và Trịnh Duy M cho H với tiền công là 100.000đ/01 người (trong đó 50.000đ là tiền công đưa khách từ thành phố L đến Cửa khẩu C và 50.000đ là tiền công đưa dẫn theo đường mòn lên đến hàng rào biên giới). Hứa Văn O đang đưa ba người khách đến Cửa khẩu C tìm cách xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc thì bị Tổ công tác Công an huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn phối hợp với Phòng An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn, phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Căn cứ vào lời khai của Hứa Văn O, Trần Thị H, Nguyễn Chí T, Trịnh Duy M, biên bản khám xét ngày 11-9/2019 cùng các tài liệu thu thập được, ngày 12-9/2019 Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn ra Lệnh bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Chu Văn K về hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép; ra Quyết định tạm giữ hình sự đối với Chu Văn K.

Lời khai của chị Trần Thị H, anh Nguyễn Chí T, Trịnh Duy M trình bày tại cơ quan điều tra nêu không có Chu Văn K và Hứa Văn O tổ chức đưa đi

Trung Quốc trái phép theo đường mòn thì Trần Thị H, anh Nguyễn Chí T, Trịnh Duy M không thể tự đi sang Trung Quốc được. Do khi đi sang Trung Quốc không có giấy tờ xuất cảnh thì phải có người đưa đón thì mới đến nơi làm việc được. Đây là lần đầu tiên họ xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc nhưng khi đang trên đường đi đến khu vực biên giới để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc thì bị lực lượng chức năng phát hiện. Vì vậy, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn không tiến hành áp dụng các biện pháp tố tụng và không đề nghị xử lý vi phạm hành chính liên quan đến xuất nhập cảnh đối với Trần Thị H, anh Nguyễn Chí T, Trịnh Duy M.

Đối với bà Phùng Thị M trình bày tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa: Bà sử dụng số điện thoại 0362485788 từ năm 2017, trước đây là số điện thoại của con trai bà, con trai bà không dùng thì bà dùng, bà có biết Chu Văn K nhà ở thành phố L, tỉnh Lạng Sơn chạy xe khách từ thành phố L vào Cửa khẩu C vì bà thỉnh thoảng đi chợ, từ tháng 3-2019 đến nay bà không liên lạc gì với Chu Văn K nữa, bà chỉ biết Chu Văn K chạy xe ngoài thành phố L và Cửa khẩu C ngoài ra bà không biết gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Hứa Văn M trình bày tại cơ quan điều tra: Anh là em trai ruột của Hứa Văn O, xe ô tô biển kiểm soát 29T – 9383 là của anh mua với anh T2 ở thành phố L năm 2018, anh cho anh Hứa Văn O mượn xe chở khách, anh không biết việc anh Hứa Văn O tham gia vào việc tổ chức đưa người xuất cảnh trái phép và bị Công an tỉnh Lạng Sơn tạm giữ xe ô tô, anh đã được cơ quan Công an tỉnh Lạng Sơn trả lại chiếc xe ô tô, nay anh không có yêu cầu đề nghị gì.

Tại Bản kết luận giám định số: 281/KLGD ngày 25-9-2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Tiền Trung Quốc gồm các loại mệnh giá: Mệnh giá 100 NDT/tờ có 225 tờ; mệnh giá 50 NDT/tờ có 51 tờ; mệnh giá 20 NDT/tờ có 60 tờ; mệnh giá 10 NDT/tờ có 83 tờ; mệnh giá 5 NDT/tờ có 60 tờ; mệnh giá 1 NDT/tờ có 232 tờ. Tổng cộng: 27.937 NDT. Tiền Việt Nam gồm các loại mệnh giá: Mệnh giá 500.000 đồng/tờ có 200 tờ; mệnh giá 200.000 đồng/tờ có 275 tờ; mệnh giá 100.000 đồng/ tờ có 93 tờ. Tổng cộng: 164.300.000 đồng.

Bản cáo trạng số 32/CT-VKS-P1, ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Chu Văn K, Hứa Văn O về tội Tổ chức đưa người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo Chu Văn K, Hứa Văn O khai nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với các bị cáo là đúng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, cụ thể: Ngày 11-9-2020 Trần Thị H, Nguyễn Chí T và Trịnh Duy M liên lạc bằng điện thoại cho Chu Văn K bảo Chu Văn K đón và đưa sang Trung Quốc làm thuê. Chu Văn K đồng ý và thỏa thuận thu tiền phí sang Trung Quốc, hẹn địa điểm đón tại ngã tư M, phường V, thành phố L. Khi thỏa thuận xong Chu Văn K liên lạc bằng điện thoại cho Hứa Văn O và gửi

số điện thoại của Trần Thị H, Trịnh Duy M cho Hứa Văn O để liên lạc và đón, khi đón được những người này thì đưa vào nhà Chu Văn K để Chu Văn K thu tiền phí. Sau khi đổi tiền Việt Nam sang tiền Trung Quốc, thu phí xong Chu Văn K bảo Hứa Văn O đưa Trần Thị H, Nguyễn Chí T, Trịnh Duy M đến Cửa khẩu C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn bằng xe ô tô với giá 100.000đ/1 người, Hứa Văn O đưa ba người đi theo đường mòn lên hàng rào biên giới đang tìm cách xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc thì bị Tổ công tác Công an huyện Lộc Bình phối hợp với Phòng An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn, phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Việc Tòa án đưa xét xử các bị cáo là không oan đúng người, đúng tội.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đồng thời đánh giá động cơ, mục đích, tác hại của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Chu Văn K, Hứa Văn O phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; ngoài ra bị cáo Hứa Văn O được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Chu Văn K từ 15 đến 20 tháng tù; xử phạt bị cáo Hứa Văn O từ 12 đến 15 tháng tù. Áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Chu Văn K từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Hứa Văn O vì không có tài sản riêng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, đề nghị:

Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu tím đen, cũ đã qua sử dụng, bên trong có hai sim của Hứa Văn O và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, đã qua sử dụng số IMEL1: 3541921070077509, số IMEL 2: 354192107507508, bên trong có 02 sim của Chu Văn K liên quan đến vụ án.

Tịch thu tiêu hủy: 08 quyển vở thu giữ tại nhà Chu Văn K gồm: 01 (một) quyển sổ màu trắng hồng, kích thước 14,5 x 10,5cm, mặt trước có chữ NOTEBOOK” và dòng chữ viết tay “Sổ chi tiêu – CHU L” “từ 1-1-2016 đến 30-12-2016, gồm 25 tờ cả bìa; 01 (một) quyển sổ màu vàng cam, kích thước 16 x 11,5cm, mặt trước có chữ “Sổ ghi chép, NOTEBOOK”, gồm 38 tờ; 01 (một) quyển vở màu xanh, kích thước 23,5 x 17cm, mặt trước có chữ “TUỔI NGOC”, gồm 26 tờ cả bìa; 01 (một) quyển vở không có bìa, kích thước 24 x 17cm, gồm 45 tờ; 01 (một) quyển vở kích thước 24 x 17cm, phía dưới góc bên phải có ghi chữ “THU TIỀN XE”, gồm 54 tờ cả bìa; 01 (một) quyển vở không có bìa, kích thước 20,5 x 15,5cm, tại các trang có ghi nhiều số và chữ gồm 14 tờ; 01 (một) quyển vở kích thước 23,8 x 17cm, mặt trước bìa có ghi chữ “MAMAMOON, YOU SO MUCH, K POP” gồm 39 tờ cả bìa; 01 (một) quyển vở không bìa, kích thước 26,5 x 19,3cm gồm 74 vì không còn giá trị sử dụng.

Trả lại cho Chu Văn K số tiền thu giữ tại nhà gồm: 200 (hai trăm) tờ tiền Việt Nam loại mệnh giá 500.000đ/tờ; 275 (hai trăm bảy mươi lăm) tờ tiền Việt Nam loại mệnh giá 200.000đ/tờ; 93 (chín mươi ba) tờ tiền Việt Nam loại mệnh giá 100.000đ/tờ; trong đó có 970.000 đồng tiền Việt Nam do bị cáo phạm tội mà có, do vậy cần tịch thu số 970.000 đồng của Chu Văn K nộp ngân sách Nhà nước; đối với số tiền 225 (hai trăm hai mươi lăm) tờ tiền Trung Quốc loại mệnh giá 100 NDT/tờ; 51 (năm mươi một) tờ tiền Trung Quốc loại mệnh giá 50 NDT/tờ; 60 (sáu mươi) tờ tiền Trung Quốc loại mệnh giá 20 NDT/tờ; 83 (tám mươi ba) tờ tiền Trung Quốc loại mệnh giá 10 NDT/tờ; 125 (một trăm hai mươi lăm) tờ tiền Trung Quốc loại mệnh giá: 05 NDT/tờ; 232 (hai trăm ba mươi hai) tờ tiền Trung Quốc loại mệnh giá 01 NDT/tờ. Trong đó có 1.350 NDT do bị cáo phạm tội mà có, do vậy cần tịch thu số 1.350 NDT của Chu Văn K nộp ngân sách Nhà nước.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước gồm: 10 (mười) tờ tiền Trung Quốc loại mệnh giá: 100 NDT/01 tờ thu giữ của Hứa Văn O do phạm tội mà có.

Trả lại cho 01 Giấy chứng minh nhân dân số: 082070226; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh dương, đã qua sử dụng, bên trong có 02 sim và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, đã qua sử dụng số IMEL 1: 356926093238935/32, số IMEL 2: 356926093288930/32, bên trong có 02 sim cho Chu Văn K; trả 01 (một) giấy phép lái xe số 200179003420, do Sở Giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 28/12/2017 cho Hứa Văn O những vật chứng trên không liên quan đến vụ án.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận và nói lời sau cùng các bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật rất hối hận đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng người làm chứng chị Trần Thị H, anh Nguyễn Chí T, anh Trịnh Duy M đã được triệu tập hợp lệ lần 02 nhưng vắng mặt không lý do, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Hứa Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt, đối với những người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ vắng mặt nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra, không có yêu cầu gì. Xét thấy, việc vắng mặt của Trần Thị H, anh Nguyễn Chí T, anh Trịnh Duy M, anh Hứa Văn M không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, nên tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của các Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều

tra và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa các bị cáo Chu Văn K, Hứa Văn O khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai người làm chứng và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 11-9-2019 Chu Văn K thuê Hứa Văn O để thực hiện hành vi tổ chức cho 03 người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc để làm thuê, với động cơ, mục đích mong muốn thực hiện trót lọt để hưởng lợi tiền thu của người muốn xuất cảnh trái phép, đối với Hứa Văn O thì hưởng lợi từ việc đưa người từ thành phố L đến Cửa khẩu C và đưa sang sang Trung Quốc 100.000 đồng/01 người. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Chu Văn K, Hứa Văn O về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét thấy hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện là nghiêm trọng đã xâm phạm đến hoạt động quản lý hành chính về lĩnh vực xuất cảnh của Nhà nước Việt Nam; đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương trong lĩnh vực quản lý hành chính, công tác xuất nhập cảnh; các bị cáo nhận thức được việc tổ chức cho người dân xuất cảnh trái phép ra khỏi biên giới Việt Nam mà không có giấy phép của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi mà các bị cáo cố ý thực hiện. Tuy nhiên việc 03 công dân Việt Nam chưa xuất cảnh trái phép ra khỏi biên giới Việt Nam chưa hoàn thành là do bị Cơ quan chức năng kịp thời phát hiện ngăn chặn là ngoài ý muốn của các bị cáo. Hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật mới có tác dụng giáo dục, răn đe đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

[5] Để có một hình phạt thỏa đáng cần đánh giá tính chất mức độ, vai trò của từng bị cáo để có hình phạt phù hợp với hành vi của các bị cáo, ngoài việc xem xét tính chất, hành vi phạm tội nêu trên thì còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ để quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[6] Đối với bị cáo Chu Văn K là vai trò chính trực tiếp liên hệ với đầu mối bên Trung Quốc, đòi tiền Trung Quốc để hưởng chênh lệch và thu tiền phí của những người có nhu cầu sang Trung Quốc để hưởng lợi do vậy bị cáo phải có hình phạt phải nặng hơn; đối với Hứa Văn O vì hám lợi thấy Chu Văn K trả tiền xe, tiền công cao nên đã nhận lời đưa đón những người có nhu cầu sang Trung Quốc theo sự thỏa thuận của Chu Văn K, trực tiếp đưa những người muốn xuất cảnh trái phép theo đường mòn sang Trung Quốc theo sự thỏa thuận nhưng bị cáo chưa nhận được tiền công từ Chu Văn K do vậy bị cáo Hứa Văn O chỉ là vai trò thứ yếu nên hình phạt nhẹ hơn.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015; đối với Hứa Văn O có bố là ông Hứa Văn K là người có công được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất do vậy Hứa Văn O được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về nhân thân: Các bị cáo Chu Văn K, Hứa Văn O chưa có án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Do đó, các bị cáo là người có nhân thân tốt.

[9] Với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo xét thấy cần cách ly ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục mới thể hiện được sự nghiêm minh của pháp luật và làm gương cho những người khác có ý định thực hiện hành vi phạm tội tương tự.

[10] Đối với Nguyễn Thị Bích Thủy, Hoàng, Phạm H, T1, người sử dụng tài khoản Facebook có tên “Hùng N” do các bị can và những người xuất cảnh trái pháp sang Trung Quốc không biết thông tin về họ tên và địa chỉ cư trú của các đối tượng này, nên cơ quan An Ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn không có cơ sở để xác minh làm rõ, xử lý theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo phù hợp với tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 348 Bộ luật Hình sự năm 2015 “ Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng...”. Qua các tài liệu điều tra, xác minh và số tiền Việt Nam, tiền Trung Quốc bị thu giữ, tạm giữ, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Chu Văn K có tài sản (tiền). Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Chu Văn K với số tiền là 15.000.000 đồng, không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo Hứa Văn O vì không có tài sản (biên bản xác minh ngày 04-10-2019)

[13] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 để xử lý đối với những vật chứng đã bị thu giữ, tạm giữ cụ thể:

[14] Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu tím đen, cũ, đã qua sử dụng, bên trong có hai sim của Hứa Văn O và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, đã qua sử dụng số IMEL1: 3541921070077509, số IMEL 2: 354192107507508, bên trong có 02 sim của

Chu Văn K, xác định những chiếc điện thoại này các bị cáo dùng thực hiện tội phạm do vậy cần tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước.

[15] Đối với Giấy chứng minh nhân dân số: 082070226 mang tên Chu Văn K đây là giấy tờ tùy thân không phải là vật chứng do vậy trả lại cho bị cáo Chu Văn K

[16] Đối với giấy phép lái xe số 200179003420 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 28/12/2017 mang tên Hứa Văn O xác định đây không phải là vật chứng vụ án, trả lại cho bị cáo cho Hứa Văn O

[17] Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh dương, đã qua sử dụng, bên trong có 02 sim và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, đã qua sử dụng số IMEL 1: 356926093238935/32, số IMEL 2: 356926093288930/32, bên trong có 02 sim của Chu Văn K xác định đây không phải không phải vật chứng vụ án nên trả lại cho Chu Văn K.

[18] Đối với 08 quyển vở thu giữ tại nhà Chu Văn K gồm : 01 (một) quyển sổ màu trắng hồng, kích thước 14,5 x 10,5cm, mặt trước có chữ NOTEBOOK” và dòng chữ viết tay “Sổ chi tiêu – CHU L” “từ 1-1-2016 đến 30-12-2016, gồm 25 tờ cả bìa; 01 (một) quyển sổ màu vàng cam, kích thước 16 x 11,5cm, mặt trước có chữ “Sổ ghi chép, NOTEBOOK”, gồm 38 tờ; 01 (một) quyển vở màu xanh, kích thước 23,5 x 17cm, mặt trước có chữ “TUỔI NGỌC”, gồm 26 tờ cả bìa; 01 (một) quyển vở không có bìa, kích thước 24 x 17cm, gồm 45 tờ; 01 (một) quyển ở kích thước 24 x 17cm, phía dưới góc bên phải có ghi chữ “THU TIỀN XE”, gồm 54 tờ cả bìa; 01 (một) quyển vở không có bìa, kích thước 20,5 x 15,5cm, tại các trang có ghi nhiều số và chữ gồm 14 tờ; 01 (một) quyển vở kích thước 23,8 x 17cm, mặt trước bìa có ghi chữ “MAMAMOON, YOU SO MUCH, K POP” gồm 39 tờ cả bìa; 01 (một) quyển vở không bìa, kích thước 26,5 x 19,3cm gồm 74 tờ đây là vật chứng không liên quan đến vụ án nhưng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[19] Đối với số tiền 225 (hai trăm hai mươi lăm) tờ tiền Trung Quốc loại mệnh giá 100 NDT/tờ; 51 (năm mươi một) tờ tiền Trung Quốc loại mệnh giá 50 NDT/tờ; 60 (sáu mươi) tờ tiền Trung Quốc loại mệnh giá 20 NDT/tờ; 83 (tám mươi ba) tờ tiền Trung Quốc loại mệnh giá 10 NDT/tờ; 125 (một trăm hai mươi lăm) tờ tiền Trung Quốc loại mệnh giá: 05 NDT/tờ; 232 (hai trăm ba mươi hai) tờ tiền Trung Quốc loại mệnh giá 01 NDT/tờ. Tổng cộng là 27.937 NDT thu giữ, tạm giữ tại nhà Chu Văn K, xác định trong đó có 1.350 NDT (một nghìn ba trăm năm mươi nhân dân tệ) là số tiền do bị cáo phạm tội mà có nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Số tiền NDT còn lại trả lại cho Chu Văn K.

[20] Đối với số tiền 200 (hai trăm) tờ tiền Việt Nam loại mệnh giá 500.000 đồng/tờ; 275 (hai trăm bảy mươi lăm) tờ tiền Việt Nam loại mệnh giá 200.000 đồng/tờ; 93 (chín mươi ba) tờ tiền Việt Nam loại mệnh giá 100.000 đồng/tờ. Xác định trong các loại tiền Việt Nam có 970.000 đồng là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 970.000 đồng

(chín trăm bảy mươi ngàn đồng). Số tiền Việt Nam còn lại trả lại cho Chu Văn K.

[21] Đối với số tiền 10 (mười) tờ tiền Trung Quốc loại mệnh giá:100 NDT/01 tờ thu giữ của Hứa Văn O, nhưng là tiền do Chu Văn K đưa cho Hứa Văn O để đưa H khi sang Trung Quốc, xác định đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 100.NDT. *(Các vật chứng và tiền trên được ghi chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 12-3-2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn).*

[22] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[23] Các bị cáo, người có quyền nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, b khoản 1 Điều 47, Điều 50, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015 đối với Chu Văn K.

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, b khoản 1 Điều 47, Điều 50, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015 đối với Hứa Văn O.

Căn cứ điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Chu Văn K, Hứa Văn O phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

2. Về hình phạt

- Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Chu Văn K 16 (mười sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt để thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12-9-2019 đến ngày 17-01-2020.

- Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền đối với bị cáo Chu Văn K số tiền là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Hứa Văn O 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt để thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11-9-2019 đến ngày 17-01-2020.

3. Về xử lý vật chứng

3.1. Tịch thu, bán hóa giá sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu tím đen, cũ, đã qua sử dụng, bên trong có hai sim của Hứa Văn O.

3.2. Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, đã qua sử dụng số IMEL1: 3541921070077509, số IMEL 2: 354192107507508, bên trong có 02 sim của Chu Văn K

3.3. Tịch thu, tiêu hủy: 08 quyển vở gồm: 01 (một) quyển sổ màu trắng hồng, kích thước 14,5 x 10,5cm, mặt trước có chữ NOTEBOOK” và dòng chữ viết tay “Sổ chi tiêu – CHU L” “từ 1-1-2016 đến 30-12-2016, gồm 25 tờ cả bìa; 01 (một) quyển sổ màu vàng cam, kích thước 16 x 11,5cm, mặt trước có chữ “Sổ ghi chép, NOTEBOOK”, gồm 38 tờ; 01 (một) quyển vở màu xanh, kích thước 23,5 x 17cm, mặt trước có chữ “TUỔI NGỌC”, gồm 26 tờ cả bìa; 01 (một) quyển vở không có bìa, kích thước 24 x 17cm, gồm 45 tờ; 01 (một) quyển vở kích thước 24 x 17cm, phía dưới góc bên phải có ghi chữ “THU TIỀN XE”, gồm 54 tờ cả bìa; 01 (một) quyển vở không có bìa, kích thước 20,5 x 15,5cm, tại các trang có ghi nhiều số và chữ gồm 14 tờ; 01 (một) quyển vở kích thước 23,8 x 17cm, mặt trước bìa có ghi chữ “MAMAMOON, YOU SO MUCH, K POP” gồm 39 tờ cả bìa; 01 (một) quyển vở không bìa, kích thước 26,5 x 19,3cm gồm 74 tờ.

3.4. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 1.350 NDT của Chu Văn K (trong tổng số tiền đã thu giữ, tạm giữ 27.937 NDT).

3.5. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 970.000 đồng của Chu Văn K (trong tổng số tiền đã thu giữ, tạm giữ tại nhà Chu Văn K).

3.6. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 1.000 NDT đã thu giữ của Hứa Văn Ôn.

3.7. Trả lại số tiền 163.330.000 đồng tiền Việt Nam cho Chu Văn K (trong tổng số tiền đã thu giữ, tạm giữ 164.300.000 đồng) tiền Việt Nam.

3.8. Trả lại số tiền 26.587 NDT cho Chu Văn K (trong tổng số tiền đã thu giữ, tạm giữ 27.937 NDT) tiền Trung Quốc.

3.9. Trả lại Giấy chứng minh nhân dân số: 082070226 cho Chu Văn K

3.10. Trả cho Chu Văn K 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh dương, đã qua sử dụng, bên trong có 02 sim và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, đã qua sử dụng số IMEL 1: 356926093238935/32, số IMEL 2: 356926093288930/32, bên trong có 02 sim

3.11. Trả lại giấy phép lái xe số 200179003420, do Sở Giao thông vận tải tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 28-12-2017 cho cho Hứa Văn O.

(Các vật chứng và tiền trên được ghi chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 12-3-2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn).

4. Về án phí: Các bị cáo Chu Văn K, Hứa Văn O mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

5. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được sao bản án hoặc niêm yết

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h. Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an h. Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CQTHAHS CA huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo; Người CQL&NVLQĐVA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã Ký**

Hoàng Thị Ngọc